



Giới thiệu Sách

Từ Điển Nguồn Gốc Tiếng Việt

Trần Mộng Tú

**Lời ru thành ngọn gió đưa
Quạt anh ve vượt giấc mơ vợ hiền
Chìa tay anh, em gói lên
Xóa ngực anh, mái tóc mềm của em. (Dân Ca)**

Câu dân ca trên hoàn toàn tiếng Việt. Người Việt nào hát lên và người Việt nào nghe cũng hiểu ngay và thấm thía cái âm hưởng của tiếng hát, thường thức cái ý nhị trữ tình của nội dung.

Nhưng đó không phải là dân ca Việt Nam, đó là dân ca của người Khờ-me (Khmer)

Câu hát nói về một tiếng gió và tình yêu vợ chồng. Chúng ta thử xem có bao nhiêu ngôn ngữ của người dân vùng Đông Nam Á (ĐNÁ) dùng chữ “GIÓ” để gọi gió.

Mường: k-juó

Thái: wa-du / wa-giu/ph- giú/ kh-glol (chấp kh-glol là bắt gió/cạo gió)

Lào: ph-gio

Kmer: kh-gio-l/via-gio/wa-giu/ph-gio

Hmong: t-zuó, chjuó

Và người Yao thì dùng ngay chữ “GIÓ” để gọi gió.

Nếu ta mở đến chữ “GIÓ” trong vắn “GI” của tập Từ Điển Nguồn Gốc Tiếng Việt –Tác giả BS Nguyễn Hy Vọng ra thì ta sẽ thấy đến 20 dân tộc của vùng ĐNÁ nói chung một tiếng GIÓ.

Rồi đến câu chúng ta hay nói thường ngày như: “Săn sóc sức khỏe.” Chúng ta nói mà chưa bao giờ tìm hiểu chữ “săn sóc” ở đâu mà ra. Có bao nhiêu dân tộc cùng dùng bốn chữ này, hiểu một nghĩa và phát âm một cách như chúng ta.

Khi người Thái nói: săn-t là theo dõi (như đi săn con mồi) thì người Khmer nói: sok là sức khỏe.

Để rồi người Thái, Lào, Miên, Khmer đều nói: Sănth-sok hay là Săn-ti s-sok và tới tiếng Việt trở thành: Săn sóc sức khỏe.

Chỉ hai chữ đơn sơ đó, cộng chung lại thành một cấu trúc ngôn ngữ tuyệt vời của vùng ĐNÁ.

Bây giờ chúng ta đọc câu thơ của thi sĩ Định Nguyên sau đây:

**Đêm đêm anh đếm sầu riêng rụng
Như đếm tình anh nỗi nhớ chung (Định Nguyên)**

Ta thử dịch dòng thơ đầu bằng ngôn ngữ của những người bạn láng giềng khác nhau, khi đọc lên ta có nhận được ra không?

Đêm đêm: pđăm pđăm (Chàm)

anh: eng (Lào)

đếm tэм (Hmong)

sầu riêng thô-riên (Thái)

rụng ch-ruu (Khmer)

Cả câu dịch đọc lên, nếu ta lắng nghe bằng cả tâm hồn:

Pđăm pđăm eng tэм thô-riên ch-ruu.

So sánh với: **Đêm đêm anh đếm sầu riêng rụng**

Ta sẽ thấy cái âm phát rất gần với tiếng Việt mình.

Điều đó chứng minh cho ta thấy rõ tiếng Việt và các tiếng nói trong vùng ĐNÁ có liên hệ mật thiết với nhau.

Một con người với một tâm hồn yêu chữ nghĩa nói chung và tiếng Việt nói riêng đã để ra 31 năm (1981-2012) trong đời mình để tìm hiểu đến nơi đến chốn về nguồn gốc, liên hệ của tiếng Việt với các tiếng nói của những dân tộc láng giềng.

Nếu nói tuổi thọ của một người là 100 năm như ta vẫn chúc nhau (mà mấy ai có được) thì con người này đã bỏ ra 1/3 đời mình cho **“Tiếng Nước Tôi”**.

Bác Sĩ Nguyễn Hy Vọng kể lại những năm đầu dọn tới Seattle từ thủ đô DC (1980). Khi mở phòng mạch khám bệnh, một ngày ông chỉ khám được có hai, ba bệnh nhân, vì khám bệnh cho toa xong ông ngồi nghe họ nói tiếng Lào, tiếng Miên, tiếng Kampuchia. Ông nhận thấy khi họ nói chuyện với nhau có quá nhiều tiếng Việt trong ngôn ngữ của họ. Thế là có ngay những giờ “Bệnh nhân dạy bác sĩ”. Dạy ngôn ngữ của họ: Lào, Miên, Thái, Nùng và cả tiếng Hoa.

Là một người yêu chữ, ông để tâm vào việc học hỏi và sưu tầm về nguồn gốc của tiếng Việt qua 57 ngôn ngữ của miền nam Á và ĐNÁ với 275 ngàn tiếng một (từ vựng) đồng nguyên. Ông bắt tay vào công việc này từ năm 1981 đến năm 2012 thì bộ sách hoàn thành và đến nay, ông vẫn tiếp tục bỏ ra bao nhiêu tâm huyết cho một công trình bạc tóc và nặng trĩu ngàn cân đó.

Ông đã chứng minh cho thấy *tiếng Việt pha trộn giữa các nước láng giềng như Chàm, Khmer, Lào, Thái, Mã Lai, Mường, v.v. nhiều hơn là pha tiếng Tàu như trước đây ta vẫn tin như thế* (Những Nẻo Đường Tiếng Việt (-trang 232)).

Ông cũng đã về Việt Nam, đến Ninh Bình học tiếng Mường một thời gian. Nhờ có người cháu nói được tiếng Mường nên ông học rất nhanh. Bây giờ ông có thể nghe và nói ngôn ngữ này. Ông cho biết ở quê nhà, những vùng như Nghệ Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị rất nhiều tiếng Việt lồng trong tiếng Mường.

Ông cũng chứng minh, chính tiếng Tàu là tiếng vay mượn của nhiều tiếng nước khác có gốc của tiếng Sanskrit (Ấn Độ), Pali, Hy Lạp, Turkey, v.v. Nhưng đặc điểm của người Tàu là không bao giờ

nói mình vay mượn của ai, không bao giờ nhắc tới và sau một thời gian nhận luôn là của mình.
(NNĐTV- trang 166)

Bây giờ sau đúng 33 năm, bộ Từ Điển Nguồn Gốc Tiếng Việt sẽ được ra mắt nhiều nơi trên nước Mỹ. Bắt đầu từ tháng 5. Khởi đầu từ miền Nam California, nơi tác giả cư trú, đến Seattle, Oregon và sẽ tiếp tục đi lên miền Đông nước Mỹ, sau đó sẽ qua Pháp. (Nơi tập Từ Điển đã được bảo trợ danh dự của Đại Thư Viện Quốc Gia.)

Hãy hình dung ra hình ảnh một người đàn ông trọng tuổi, gầy gầy, tóc bạc phau, đang gánh hai bó sách ở hai đầu quang gánh leo lên những ngọn đồi trong một sáng mù sương trước mặt, hoặc quang gánh trở xuống từ một con dốc với một quả mặt trời đỏ rực đang lặn sau lưng. Ông không nghĩ là mình đã làm một việc quá nặng nhọc, ông chỉ biết làm với cả tấm lòng cho Tiếng Việt của mình.

Cong lưng gánh chữ lên đồi
Mới hay gánh cả mặt trời trên lưng (tmt)

Chúng ta, người Việt Nam, yêu quê hương cũng như yêu ngôn ngữ của mình. Hãy đến mặt-đối-mặt, tay-cầm-tay với tác giả để nói lên lòng cảm phục và quý mến một con người tận tình với tiếng Việt. Hãy đến chạm tay vào bộ Từ Điển Nguồn Gốc Tiếng Việt, để nghe sự rung động trong hồn mình.

Ta cũng noi gương tác giả công lưng vì chữ, mang bộ Từ Điển 5 ký về nhà làm quà cho chính mình “A gift for soul”.

Từ Điển Nguồn Gốc Tiếng Việt là một món quà lạ lùng và tuyệt vời cho những người ta quý mến.

Món quà ta tặng mà không phải chọn ngày đặc biệt nào cả vì khi người nhận được sách sẽ tự thấy mình đặc biệt biết bao.

Trần Mộng Tú,
Ngày 6 tháng 7 năm 2014





Lời mở đầu: Con người là một sinh vật, tiếng nói của con người là sinh ngữ nhưng qua thời gian rất dài hàng chục ngàn năm thay đổi, mọi tiếng nói đều khác nhau.

Khoa ngữ học so sánh có thể nghiên cứu và tìm lại những mối dây âm thanh và ý nghĩa nối kết cũng như những chia cắt âm vận và âm tiết giữa các tiếng nói khác nhau trong cùng một vùng ngôn ngữ rộng lớn như vùng sống của con người ở Đông nam Á.

Tiếng Việt hiện nay là cái linh hồn chung cho 90 triệu người Việt ở Việt Nam và gần ba triệu người Việt ở các nước ngoài.

Nó là một ngôn ngữ có tính cách quốc tế không những là vì sau cái biến cố đau thương của đất nước năm 1975 mà vì từ xa xưa lắm, khi mới có con người Việt, nó đã chia xẻ cái nguồn gốc chung với hơn 57 thứ tiếng nói anh em khác sống chung quanh nó.

Ta hãy tìm hiểu và giữ gìn tiếng Việt cho xứng đáng là người Việt.

Sự hiểu biết rành rẽ cái vốn liếng tiếng Việt thời xa xưa sẽ làm cho người Việt chúng ta vững tin vào ngày mai của tiếng mẹ.

Từ điển này là một tập hợp to lớn của rất nhiều từ điển đồng nguyên ở Đông nam Á của các ngôn ngữ Việt, Mường, Mon, Khmer, Chăm Lào, Thái, Myanmar, Malay, Indonesia cùng với 41 tập ngữ vựng của các tiếng nói Mon-Khmer, cùng là các tiếng Hmong, Yao, Zhuang, Nùng và của các bộ tộc Thái Shan.

Từ điển này lại được dịch ra bằng tiếng Anh và tiếng Pháp và có ghi chữ Hán cho các từ Hán Việt để cho mọi người trên thế giới có thể đọc và hiểu tiếng Việt một phần nào về ý nghĩa và nguồn gốc của nó vì phần phiên âm và phiên chữ trong từ điển này rất là gần và sát với âm Việt và chữ abc Việt.

Từ điển này định nghĩa cho từng tiếng một, và cũng dịch từng tiếng một ra tiếng Anh, Pháp để cho ta thấy ngay nguồn gốc đa dạng của từng tiếng Việt bởi sự đóng góp cái âm và cái nghĩa lúc đầu của các ngôn ngữ anh em bà con với nó khắp Đông nam Á.

Gọi nó là Từ điển đồng nguyên [cognatic dictionary] vì nó được viết ra theo phương pháp so sánh ngôn ngữ [comparative linguistics] để tìm hiểu là “sinh ra, đẻ ra, làm ra”.

Trên hai trăm ngàn đơn vị đồng nguyên trong từ điển này dễ dàng cho ta thấy rõ hai dòng họ lớn đã “thời nô” cho tiếng Việt ngày xưa là dòng họ Mon Khmer và dòng họ Taic [Thái] cũng như ta có thể nhận ra được rất dễ dàng các hình thái, cấu trúc, và dáng dấp ý nghĩa lúc ban đầu cũng như những biến nghĩa của từng tiếng một hay tiếng ghép trong tiếng Việt của ba miền ngày nay.

Qua 33 năm nghiên cứu và biên soạn, thay vì in riêng ra từng tập từ điển, tôi góp chung vào với nhau để cho bạn đọc có một cái nhận thức chung mà rõ ràng và chi tiết của từng tiếng một trong Việt ngữ, cũng như ta nhìn thấy mọi nhánh sông nhỏ trên nguồn thay vì đi qua từng nhánh một của dòng sông tiếng Việt.

Mong rằng rằng nó là tài liệu để trên bàn cho mọi lớp học, mọi trường học, cho các thầy giáo cô giáo, cho các học trò, sinh viên và bạn trẻ, cho các phụ huynh học sinh, cho những ai thiết tha và nặng lòng với tiếng Việt, để cùng nhau tìm hiểu, giải thích và giảng dạy cho con em, để cho các thế hệ mai sau sẽ dựa vào đó mà tiến mạnh hơn nữa trên bước đường “suy nghĩ lại ý nghĩa và tư tưởng của từng tiếng một trong Việt ngữ.

Từ điển này cũng là một từ điển nghiên cứu [cognatic reference dictionary] có ích cho các nhà ngữ học khắp thế giới đang để ý tìm hiểu nguồn gốc của các ngôn ngữ Đông nam Á mà cho tới nay vẫn chưa được giải thích rõ ràng.

Từ điển này đang còn thiếu sót và cần thêm sự đóng góp và chia sẻ tài liệu với cộng đồng ngữ học Việt Nam và thế giới để cho càng đầy đủ và rõ ràng hơn nữa.

Đó là mong muốn tha thiết nhất của người biên soạn.

Bs Nguyễn hy Vọng



Các ngôn ngữ anh em đồng nguyên với tiếng Việt trong từ điển này

Tiếng Mường Bi và Mường Rục / Việt Nam:

Khạ tông Luong, Khạ MÚ [Khmu] / bắc Lào,
Khmer
Mon / Myanmar
Lào
Thái
Chăm [Chàm] / Việt Nam
Jarai, Rhade, Chru, Roglai, Haroi / cao nguyên Trung Việt

Mon Khmer gồm có:

Achinese / Sumatra
Akha / Thái Lan
Bahnar, Rengao, Sedang, Halang / Cao nguyên trung Việt
Jeh, Duon, Cù, Mnom, Todrah / id
Ngeq, Brou, Càlơ, Pacoh, Phường, Katu / id
Kayong, Hre id
Lawa, Lamet, Lahu, Palaung, Pear, Roluong, Roteng / rải rác ở Đông nam Á
Stieng, Koho, Mnonng Gar, Chrau, Mạ / miền cao đông bắc Sài Gòn

Lissou, Mosso, Kioutsé, Loutsé, Houni, Lokai, Puma / Yun nan, Hoa nam

Nicobar / ngoài khơi biển Ấn độ
Khasi / bắc Bangladesh
Munda [Asuri, Birhor, Bo, Bonda, Didey, kharia, Santali, Saora, Sora, Gutob, Hor, Korcu, Kta, Nahali, Kowari, Mowari, Remo]
Malay
Indonesia

Theo dân số: Indonesia 235 triệu, Việt Nam 90 triệu, Thái 75 triệu, Malay 22 triệu, Khmer 15 triệu.

Các dân tộc thiểu số tính theo số ngàn người: Thái [đen, đỏ, trắng] 1328, Mường 1137, Khmer ở VN 1055, Tày 862, Nùng 856, Hmông 787, Yao 620, Rhade 270, Chàm 132, Hre 113, Lahu 7.

Các sắc dân Mon Khmer ở Trung Việt: Jarai # Gia lai 317 ngàn, Bahnar 174, Koho 129, Roglai 97, Mnonng 92, Sedang 80, Thổ 68.



Cảm tưởng và ý kiến bạn đọc

1-10-1985 Atlantic City

Tôi vui mừng vô hạn khi biết công trình khảo cứu về nguồn gốc tiếng Việt của anh sắp thành tựu, thật là một kỳ công. Tôi muốn bày tỏ lòng khâm phục sâu xa của một đàn anh chỉ hơn anh ở tuổi mà thôi, đó là phúc cho tương lai văn hóa dân tộc vì nó đúng là một phát minh mới, hết sức quan trọng, một “công trình khoa” [travail d'une portée scientifique considérable]. --*Từ điển gia Đào đặng Vỹ.*

Rancho Cordova, CA /Dec 6 1986

Anh bạn Trần cao Lĩnh có cho tôi xem một bài của bác sĩ viết về Nguồn gốc tiếng Việt. Tôi rất vui mừng mà gặp bạn đồng hành trên một nẻo đường vắng vẻ. Từ bao lâu nay tôi đã làm cái công việc này... rất là buồn.

Nếu không có vũ trang bằng một say mê lớn, chắc tôi đã bỏ cuộc. Từ đây có cần được ai góp ý, chắc tôi chỉ còn biết thỉnh ý của bác sĩ thôi, chứ xem ra không có ai đi theo con đường của chúng ta hết. Và để tỏ thiện chí, tôi xin mạn phép góp ý với bác sĩ về quan niệm của nhà ngôn ngữ học Logan. Toàn thể Hoa nam và Đông nam Á đều cùng một gốc về mặt ngôn ngữ [tôi đã viết xong nguồn gốc Việt ngữ]. --*Nhà văn Bình nguyên Lộc.*

Dear Dr Vong,

You are a man in every positive sense of the word. I am proud of many things I hear about you, knowing that you are engaged in creating a dictionary of many languages, in the interest of promoting peace through human language mutual intelligibility.

Thank you from deep within my being. --*Elizabeth Frye@Highline MHC, Seattle*

28-9-1994 “... về việc nghiên cứu của bác sĩ, chắc đã đạt được nhiều. tôi chỉ xin góp ý kiến là nếu gặp một người Mường di cư từ những vùng Hòa bình Thanh Hóa, nhất là Nghệ-Tĩnh-Bình thì nên bám chặt lấy họ mà ghi chép ngôn ngữ. Họ gần với tổ tiên Giao của ta và cũng gần với các người Mon Khmer hơn là ta. --*Nhà dân tộc học và ngữ học Nguyễn bạt Tuy, Đà Lạt*

Sách của anh, thật là một công trình lớn, theo ý tôi là “hàng đầu” về loại từ điển “tâm nguyên” [etymological dictionary] không như các cuốn tâm nguyên từ điển VN / Lê ngọc Trụ 1993 thiên về tiếng Hán quá, dễ hiểu cho họ vì hoàn cảnh gia đình giáo dục. Rất vui là thấy anh khỏe lại và tiếp tục công trình soạn cuốn Từ điển tâm nguyên quý báu ấy. Thế là có thêm một tài liệu rất giá trị cho hậu thế.

Công trình của anh Nguyễn hy Vọng là một gương sáng cho các lứa tuổi đang lớn, nhiều khi quá lao sâu vào nền văn minh phương Tây mà quên đi nền văn minh phương Đông không kém phần phong phú. --*Học giả Lê cung Thông, Australia*

I'm very much looking forward to seeing the product of your decades of work. I read the “Vietnamese, a mystery language” which discusses many of the questions I've been exploring a fraction of the time you have. How can I get that CD [Vietnamese Cognatic Dictionary]. --*Mark A. professor of Linguistics, Baltimore USA.*

Tôi có xem rất kỹ tài liệu anh gửi cho tôi. Đọc đi đọc lại, thấy thật là lạ, ngoài sức tưởng tượng. Việc in cuốn sách này rất cần thiết, đó là một công trình nghiên cứu rất quý báu. Tôi nghĩ rằng khi sách in xong, có thể giúp giải thích được những câu tối nghĩa trong c ỏ văn Việt, giúp đọc chính xác hơn các bản văn cổ. Thật là một đóng góp vĩ đại cho văn học Việt Nam. --*Bs Nguyễn huy Hùng, Houston*

3-26-2007: Anh dùng ngôn ngữ để tìm lý lịch nguồn gốc của quốc gia dân tộc Việt Nam. Tôi linh cảm điều đó, anh dùng khoa học tiếng Việt để tìm về cội nguồn Việt. Công trình của anh, người ta chưa thấy tầm quan trọng, nhưng sau này, các giới sinh viên làm luận án tiến sĩ ngôn ngữ sẽ coi đó là những khám phá vô giá.

Tôi hết sức khâm phục công trình sưu tầm mấy chục ngàn từ đồng nguyên với tiếng Việt. Phải là người rất có tâm huyết với tiếng nói của dân tộc Việt mới có thể bỏ công nghiên cứu sưu tầm như vậy. Tôi thấy Bác sĩ đã chứng minh được là tiếng Việt không có chung nguồn gốc với tiếng Tàu, chúng ta đã bị ép buộc dùng chữ Hán để viết thôi, cũng như người Nhật hiện nay, đâu phải vì vậy mà tiếng Nhật hay tiếng Việt phải có chung nguồn gốc với tiếng Tàu! Một số người Việt đã làm lẫn như thế nhất là những kẻ làm văn hóa mà ngu dốt ý thức gây ảnh hưởng xấu đến tinh thần lớp trẻ. --*Nhà ngữ âm học Nguyễn chính Tiệp, San Jose*

Bộ Từ điển nguồn gốc tiếng Việt này sẽ ra mắt tại Paris, dưới sự bảo trợ của Bibliothèque nationale de France, sau đó sẽ phổ biến trong các Đại học và thư viện của các nước trên thế giới và sẽ trình bày tiếng Việt với Unesco Liên Hiệp Quốc như là một “tiếng nói văn hóa lớn của con người Đông nam Á”, “a great cultural language of Southeast Asia” theo ông Leonard Bloomfield, nhà ngữ học Mỹ lừng danh thế giới đã nhận định trong sách “Language” của ông ấy, xuất bản năm 1930. --*KTS Nguyễn hy Văn, Seattle*

Cám ơn bác sĩ. Thật thú vị khi biết được tường tận ý nghĩa sâu xa lúc ban đầu của mỗi từ ngữ. Bác sĩ như một nhà khảo cổ, trưng bày cho người xem và đọc thấy rõ từng lớp, từng tầng nguồn cội văn hóa và ngôn ngữ của ông cha ta qua các vảy vàng lấp lánh từng bị phủ lấp dưới bao lớp sơn của từ Hán Việt. --*Hiền Phạm, Canada.*

Kính Anh, xin chúc mừng anh đã xong việc làm của Titan ròng rã trong ngàn ấy năm với tất cả kiên trì. --*Khoa, Bibliothèque Universitaire de Paris.*



Các dấu và ký hiệu dùng trong từ điển này

Dấu * có nghĩa là:

- ít dùng, ít nói, ít biết, không hay nói
- xem như hay hiểu lầm là tiếng địa phương
- xưa, cũ, cổ, chỉ có trong các sách xưa
- nên được tìm hiểu cho ra cái âm gốc và nghĩa gốc
- nên xem như là một tiếng xưa nhưng vẫn có ý nghĩa

- cần để ý đến các đồng âm của nó
- cần để ý đến các đồng nghĩa của nó
- cần để ý đến các từ mới hiện đang thay thế cho nó

Dấu < có nghĩa là:

- do một âm hay từ, tiếng, giọng có cái nghĩa gốc xưa hơn mà ra
- từ một nhóm phụ âm có trước mà ra
- từ một nhóm nguyên âm xưa hơn mà ra
- từ một âm tiết khác mà ra
- từ một vần khác mà ra
- từ một nhánh ngôn ngữ khác mà ra [thí dụ: Mường < Việt]

Dấu > có nghĩa là:

- có trước, sinh ra trước, xưa cũ lâu đời hơn
- ý nghĩa rộng hơn, chung hơn, tổng quát hơn. [thí dụ: Mon-Khmer > Mường Việt]

Dấu # có nghĩa là:

- đồng nghĩa hay là tương đương, không khác lắm về ý nghĩa, âm thanh, âm tiết, vần, phụ âm, nguyên âm, dấu giọng, cách đọc, cách phát âm, cách nhấn giọng
- cũng có giá trị hiểu biết rất giống nhau khi nói hay viết ra

Dấu ~ có nghĩa là:

- theo cái nghĩa, hay theo sự hiểu biết thông thường.



Tài liệu tham khảo

A Vietnamese grammar 1965 / Laurence Thompson /UW Seattle, WA

A grammar of the language of Burma by Thomas latter 1845@ Asian education service C215 SDA
New Delhi 11001

Ancient China / Howard Edward H. Shafer / time Life, New York. Ancient China by Maurizio
Scarpari / Barnes Noble, Italy

An introduction to Linguistic science @ E.H Sturtevant, Yale 1960

American Slang dictionary / H.Wenworth & Stuart B.Flexner, NY 1966

A study of Middle Vietnamese philology Kenneth J Grierson SIL, Saigon @ Société des Études
Indochinoises Tome XLIV No 2/ 2nd trimester 1969

A dictionary of the Mon inscriptions [HL Shorto, London 1971]

A dictionary of the Nicobarese language [Edward Horace Mann, Delhi, India]

A Grammar of the Khasi language, Rev. H. Roberts, London, Kegan Paul Trench [Hubner & Co
LTD, Pater Noster House, Charing Cross Rd 1891 / UW Seattle]

Bái hòk Topui Rotéang / Summer Institute of Linguistic

Burma self taught / AF st / R st / John 44588342 / St John 1991 / UW Seattle

Burmese [Myanmar] Book 1, UW / John Okell / PL 3933 042/1994 [textV]

Bonda Dictionary, Battacharya / PL 45724.B / University of WA, Seattle Burmese classifiers by
Hla Pe / Indo Pacific studies II

Classifiers in Mon and S.E Asia by Halliday 1922

Cambridge Encyclopedia of Language, /David Crystal, Cambridge Univ Press Comparative Kadai
1997/ Jerome A.Edmonson & David Solnit, UW Seattle

Chu thuần Thủy / Vĩnh Sính

Chữ Nôm thế kỷ 17 Bs Nguyễn văn Thọ, 1977 Sài gòn, Việt Nam.

Cung oán ngâm khúc, Ôn như Hầu / Zielek Co, Houston, TX USA

Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum Ope / Alexandro de Rhodes

De l'origine des tons en Vietnamien / André G. Haudricourt 1954 Journal Asiatique

Dictionary Hmong Hjuá / Lyman Mouton, The Hague, Paris

Dictionnaire Căm-Vietnamien-Français, Trung tâm văn hóa Chăm Phan Rang, VN

Dictionnaire étymologique de la langue française / Emmanuèle Baumgartner, Philippe Ménard, Livre de poche / Paris

English Thai dictionary / desk Edition / So Sethaputra

English Hmong Dictionary @ Lang Siong, Joua Siong, Nao Leng Siong / UW English Burmese Dictionary [Judson PL 3957-J83 / 1972 / UW Seattle]

Éléments de grammaire Hmong blanc / Jean Motlin PL3311 M M07 1978

From Tonkin to India @ Prince d'Orléans [personal Library]

Guide Franco Khmer @ JF Sonolet & Pa Pheng / sud Asie / Paris

Introduction to Sino-Tibetan @ Shafer 1966 - Wiesbaden Germany / UW Seattle

Introduction to Phonetics by Claude Merton Wise / Prentice Hall / NJ, 1958

Khasi grammar and dictionary @ Battacharya / Suzallo Library UW Seattle

Khasi dictionary by Nissor Singh / UW Seattle Suzallo Library PL4451S56

Lao English dictionary @ Russell Marcus Japan 1975

Linguistic science @ EH Sturtevant, Yale, New haven, Connecticut

Language 30 Thai / WA DC / 1975 / 1984

Lĩnh nam dật sử / Trăm Việt

Lam sơn thực lục / Nguyễn Trãi / Tân Việt 1956 / Nhân văn 1983 USA

Lexique Vietnamien Rục-Français / Nguyễn phú Phong-Trần trí Dõi- Michel Ferlus / Univ. Paris VII / 1988 SudestAsie

Latin English Dictionary by John Trapman, the New College, Bantam

Malay English Dictionary by Coope

Miao Yao / Purnell @ Suzallo library, Pl 3351 LP / UW Seattle

Ngôn ngữ học Việt Nam / Nguyễn bạt Tụy, 339 Phan đình Phùng Sài Gòn 1959

Nguồn gốc Mã-lai của dân tộc Việt Nam / Bình nguyên Lộc / Xuân Thu

Pallegoix, Dictionary lingua Thai 1854, 1972 Greg International / Westmead, Farnborough, Hunts, England

Parlons Birman @ Marie H Cardinaud, Yin Yin Miynt, Éditeurs de l'Harmattan

Personal pronouns in Austro Asiatic by HJ Pinnow

Portuguese dictionary by Jura D Olivera / Random House 1965, 1993

Proto Mon-Khmer vocalism / Harry L. Shorto / London

Pháp Việt Đại Từ Điển @ Đào đăng Vỹ, Sài Gòn 1952

Santali dictionary PL 45631 M 1983 by dr RM Mc Phail, Calcutta 1953

Saora lexicon PL 4587 R 36 1983 at Suzallo UW Seattle

Sedang vocabulary / Kenneth D Smith / bộ Giáo dục, Sài Gòn 1967

Studies in Munda Linguistics [Sudhibuschan battacharya / Simla, Calcutta 1975

Summer institute of Linguistics / Univ of Texas, Arlington / UW publication 12

Sử ký Đại nam Việt @ khuyết danh, Annales Annamites

Tài liệu @ Nguyễn đình Hòa, Bình nguyên Lộc, l Đào đăng Vỹ, Bguyễn bạt Tụy

Tài liệu @ Phyrun sen, Phôn Paseuth, Chanthaseny Khamphay / Seattle

Tài liệu @ Britannica, Encarta, Wikipedia

Từ điển Việt Tày Nùng / Hoàng văn Ma, Lục văn Pảo / Nxb Khoa học xã hội

Từ điển Hán Việt thông dụng, Lạc Thiện, Trường Đại học tổng hợp, tp HCM

Từ điển Mường Việt @ Nguyễn văn Khang, Bùi Chi, Hoàng văn Hành

Từ điển Khờ-Me Việt, Hoàng Học, Nhà xuất bản khoa học xã hội 1979

Từ điển Việt Chăm # Inulang Piết Chăm

Tự học chữ Miên @ Lê Hương 1963 Ấn quán Thanh Tân, 110 Cao Thắng, Sài Gòn

Tự học chữ Khmer @ Ngô chân Lý / Nhà xuất bản giáo dục 1999 Việt Nam

Thai English dictionary / Mc Farland M.D. Stanford, CA 1944

Thai dictionary / Mary Haaj, Stanford CA, 1964

The languages of China before the Chinese, Terrien de Lacouperie, London 1887

The living races of men / Carleton S Cook / Edwardts Hunt Jr / New York

The making of Southeast Asia @ Georges Coedes, 1966 Berkeley UC Press

The story of language @ Mario Pei / Mentor Book / new American library

Thiên tài Nguyễn bình Khiêm @ Huy Phương, Yến Anh / Mekong tị nạn 1990

Thoại Ngọc Hầu và cuộc khai phá miền Hậu giang, Nguyễn văn Hầu / Xuân Thu

Truyện Kiều chữ Nôm và khảo dị @ Nguyễn bá Triệu, Canada

Untrodden field of Antropology @ Dr Jacobus / Falstaff press, NY 1937

Việt Nam Tự điển / Hội Khai trí tiến đức, 1931

Vocabulaire Francais Siamois @ Vipawan Tuvayanond & Jean Claude Brodbeck Bangkok Nov 1978

Việt Pháp Từ điển @ Đào đặng Vỹ / Taiwan

Việt Nam văn học sử / Nguyễn đồng Chi 1970 SEAsia quarterly, Carbondale USA

Văn minh Việt Nam / Lê văn Siêu / Xuân Thu

Việt Nam văn phạm / Trần trọng Kim / Nxb Sóng mới, Fort Smith Arkansas, USA

Việt Nam văn học sử yếu / Dương quảng Hàm / Nxb Sóng mới

Vương quốc Champa @ Hassan Poklaun dịch @ Pierre Bernard Lafont, IO of Champa, San Jose, CA



Vietnamese, a mystery language

According to Mario Pei, a renowned linguist, Vietnamese is in some respect a mystery tongue, linked by some authors with the Thai language, by others with the Mon language of Burma, still by others with the Munda language of Northeast India or with the scattered Mon Khmer languages of Southeast Asia. With its 90 million speakers and the strategic position Vietnam holds in that sea-land region, the Vietnamese language begins to gain interest among world linguistic circles.

The latest edition to the American mosaic of culture is the Vietnamese, nearly two millions in the USA and another million dispersed throughout the world. Vietnamese is the 12th world language in term of the number of its speakers. It even ranks 9th among the world official languages.

Although the ten thousand day Vietnam war has captured the world attention, the Vietnamese language remains relatively unknown or unexplored.

As early as the 3rd century BC, ancient Vietnam had already its own writing, engraved on a ritual bronze drum found in Bắc Sơn, west of Lạng Sơn. Those characters were framed in what appeared to be a tutelary plaque with adjacent engravings of warriors and common birds. Old Chinese books also mentioned the proto-Vietnamese as the Giao Chi and their own language, different from Chinese, as early as 1109 BC in the legend of “the white pheasant”.

Around 186 AD, Sĩ-Nhiếp, a Chinese administrator, prohibited the Vietnamese from writing their own script and compelled the use of Chinese ideographic characters until around the 13th century, the industrious Viets devised another script called the chữ Nôm, a code writing, since it resembled the Chinese script but was totally unreadable to any Chinese, thus it was an obvious strategic advantage during the millenary struggle against the Chinese invaders.

In the meantime, by 1651, a French catholic priest, father Alexandro de Rhodes, during his many years of priesthood spent in that country, then called Đàng Trong, had composed a new roman script mostly for the sake of his own converts, printed as “Dictionarum Annamiticum Lusitanum et Latinum”. This new script proved to be so practical as to get national acceptance, 200 years later, also promoted by the French administration in the beginning of the 20th century.

Vietnam is the only country in Asia mainland which has borrowed numerous Chinese words but boldly wrote them in roman alphabet since then.

Comparative linguistics has shed light over the origin of many Southeast Asian languages, with Mon Khmer and Tai as their main sources.

Vietnamese appears to be the fusion end product of the Mon Khmer and the Tai, as the former generated most of its basic lexicon and latter one imparted to it a tone system and the propensity to be more and more monosyllabic.

Recently André Haudricourt, a French linguist also clearly demonstrated its non tonal beginning.

It is difficult to imagine an American speaking spontaneously old English, but today's Vietnamese is replete with a large mixture of old semantic and phonetic usage in their everyday speech, preserved thoroughly by large segments of Central Vietnam speakers, amounting to nearly 20 million people, a quarter of the total population. This semi proto-speech is analogous to the Mường language, rightly seen as proto-vietnamese.

Among the offsprings of the primitive Southeast Asian source language, the apparently Asian counter part of the primitive Indo European; Vietnamese is seen as the youngest, most prolific and dynamic, in contrast with many of its linguistic cousins, such as the Danaw tribe in Burma, the Jeh in central Viet nam, only a few thousand strong, or the Birhor in Northwest India, only a few hundred survivors.

According to Bernard Groslier, a Southeast Asian archeologist, the Thai and the Vietnamese are linguistic "cousins" who have followed different trends of culture, either Indian or Chinese, have crossed paths two centuries ago on a battle field at the expense of another cousin country, Cambodia.

The present geo-political challenge in Southeast Asia illustrates also that history tends to repeat itself whether geographically, politically or even linguistically.

Vong hy Nguyen, M.D.



Resolution of commendation

Whereas, Vong hy Nguyen, M.D. was born in Hue, Vietnam, and earned a medical degree in 1958 from the University of Saigon, and

Whereas, Dr Nguyen served as a medical officer in the Army of the republic of South Vietnam from 1958 - 1962 and held other posts in the medical field until 1975; and

Whereas, in April 1975, when Saigon fell to the Vietnamese communists, Dr Nguyen immigrated to the United States where he practiced in the field of psychiatry in Kansas and then in Seattle, WA; and

Whereas, since 1952, Dr Nguyen has been doing research in the area of Vietnamese lexicography, contributing to the late Đào đặng Vỹ in his French Vietnamese dictionaries, and has now published his own Cognatic dictionary of the Vietnamese and Southeast Asian languages in CD and book version; and

Whereas, it has been said about this dictionary that it is international in scope, with special emphasis in Vietnamese and profuse references in English; offers for the first time in the world of lexicography an exquisitely precise tool of research for any scholar who seeks to understand better the languages of nearly 400 million people in Southeast Asia, that it is dedicated to the spirit of sacrifice of the American and Vietnamese freedom fighters and to the glory of English, the language of freedom.

Now, therefore, I, Margie L. Rice, Mayor of the City of Westminster, on behalf of Mayor pro Tem Russell C. Paris and City Council Members Frank G. Fry, Kermit March, and Andy Quach, here by commend “Dr. Vong hy Nguyen” for the contribution he has made to the Vietnamese American community by the publication of his “Cognatic dictionary of the Vietnamese and Southeast Asian Languages.”

Dated January 22th 2003

Margie L. Rice

Mayor



À propos du dictionnaire cognatique Vietnamien

Ce dictionnaire a été conçu et rédigé pendant 33 années, de 1981 jusqu'à présent. Il visait à présenter au public mondial le vrai visage de la langue vietnamienne en tant que telle.

Il a été traité dans son ensemble par la discipline cognatique, une des méthodes de linguistique comparative, avec le but spécifique de faire ressortir clairement l'évolution parallèle et cognatique de la plupart des langues du Sudest Asiatique.

Il ne négligeait pas pour autant l'apport substantiel et définitif du chinois à la langue ancestrale vietnamienne. Sans être génétique, l'écriture chinoise était et reste encore le modus vivendi culturel du Japon, de la Corée et du Viêt nam.

L'ensemble de ce dictionnaire reflétait la solide logistique d'une recherche menée à fond, car il prétendait à dresser environ 27,400 mots vietnamiens envers 275, 000 de leurs confrères cognatiques du Sudest de l'Asie, les comparait l'un à l'autre, syllable contre syllable, lettre pour lettre, tonalité envers tonalité, accent contre accent même; afin de mieux faire apprécier la remarquable homogénéité cognatique de tous ces mots, à travers l'apparence disparate et décevante de leurs écritures si diverses, bien que tous ensemble syllabiques.

Puisse t'il constituer la pierre de touche d'une nouvelle manière de "voir" la langue vietnamienne et ses cousins linguistiques dans leurs aspects si dissemblables et pourtant si ressemblants, depuis leurs premières balbutiements jusqu'à leurs modernes maturités

Dr Nguyễn hy Vọng

Nguồn: Internet E-mail by Tống Cường chuyển

*Đăng ngày Chúa Nhật, October 9, 2016
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQTĐ/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*